

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 24/2024/DS-ST
Ngày: 22-4-2024
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Huệ

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Văn Tới

Ông Văn Công Trọn

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Tuyết Ngân. Là thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Trong ngày 22 tháng 4 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 53/2024/TLST-DS ngày 17 tháng 01 năm 2024 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 93/2024/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh ngày 22/02/1964. Địa chỉ cư trú: Ấp C Mỹ, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau (Có mặt).

Bị đơn: Bà Nguyễn Kim H1 (Nguyễn Thị M), sinh ngày 01/01/1979. Địa chỉ cư trú: Ấp A, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau (Có mặt).

Ông Võ Quang H2 (Võ Văn H3), sinh ngày 01/01/1972. Địa chỉ cư trú: Ấp A, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15 tháng 01 năm 2024, cũng như lời trình bày tại phiên tòa của nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 19 tháng 01 năm 2022a, ông có cho bà H1 và ông H3 vay số tiền 80.000.000 đồng, thoả thuận mỗi tháng trả 4.000.000 đồng, thời hạn 20 tháng thì trả đủ số tiền vay. Sau đó bà H1, ông H3 trả được 15 tháng thì không trả tiếp, còn nợ lại số tiền 20.000.000 đồng.

Vào ngày 27 tháng 02 năm 2022a, ông có cho bà H1 và ông H3 vay số tiền 80.000.000 đồng, thoả thuận mỗi tháng trả 4.000.000 đồng, thời hạn 20 tháng thì

trả đủ số tiền vay. Sau đó bà H1, ông H3 trả được 14 tháng thì không trả tiếp, còn nợ lại số tiền 24.000.000 đồng.

Vào ngày 12 tháng 8 năm 2022a1, ông có cho bà H1 và ông H3 vay số tiền 120.000.000 đồng, thoả thuận mỗi tháng trả 6.000.000 đồng, thời hạn 20 tháng thì trả đủ số tiền vay, sau đó bà H1, ông H3 trả được 08 tháng thì không trả tiếp, còn nợ lại số tiền 72.000.000 đồng.

Tất cả các khoản vay đều không tính lãi, và có làm biên nhận. Như vậy, tổng số tiền bà H1, ông H3 còn nợ lại ông H là 116.000.000 đồng. Trong đó, có 01 tháng bà H1, ông H3 trả dư cho ông H 1.000.000 đồng. Do vậy, ông H yêu cầu bà H1, ông H3 phải trả cho ông H số tiền 115.000.000 đồng.

Bị đơn là bà Nguyễn Kim H1 trình bày: Thực tế bà không có vay tiền của ông H. Bà nhận tiền của ông H như hình thức tham gia hội, nhưng chỉ có thoả thuận giữa bà và ông H, không có diễn biến góp hội giữa các hội viên với nhau. Vào ngày 19 tháng 01 năm 2022a1 và ngày 27 tháng 02 năm 2022, mỗi lần bà nhận của ông H 50.000.000 đồng, nhưng làm biên nhận nợ đều là 80.000.000 đồng; ngày 12 tháng 8 năm 2022a1, bà nhận của ông H số tiền 79.000.000 đồng nhưng làm biên nhận nợ 120.000.000 đồng. Nếu đúng theo thoả thuận thì bà và ông H3 còn phải thanh toán cho ông H 115.000.000 đồng là đúng. Tuy nhiên, hoàn cảnh kinh tế gia đình bà hết sức khó khăn nên yêu cầu ông H giảm bớt cho bà được thanh toán cho ông H số tiền còn lại là 90.000.000 đồng, hoặc thanh toán 115.000.000 đồng thì cho bà được thanh toán mỗi tháng 1.500.000 đồng đến khi dứt nợ.

Đối với ông Võ Quang H2 mặc dù đã được Tòa án tổng đạt thông báo, triệu tập đến Tòa án để giải quyết vụ án theo quy định nhưng ông Võ Quang H2 vắng mặt và không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp giữa ông Nguyễn Văn H với ông Võ Quang H2 và bà Nguyễn Kim H1 là tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Nơi cư trú của bị đơn và nơi thực hiện hợp đồng đều tại huyện T nên ông H khởi kiện yêu cầu giải quyết vụ án tại Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; điểm g khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp: Theo nguyên đơn, bà H1 và ông H2 có vay của ông H các lần, tổng cộng là 280.000.000 đồng, vay không lãi. Sau khi vay có thanh toán và còn nợ lại số tiền 115.000.000 đồng.

Về phía bị đơn, bà H1 cho rằng, số tiền thực tế bà H1, ông H2 nhận không đúng như ông H đã trình bày, số tiền ghi trên biên nhận đã có tính lãi theo hình thức góp hội. Do vậy, bà H1 yêu cầu được thanh toán cho ông H số tiền

90.000.000 đồng, hoặc thanh toán 115.000.000 đồng thì cho bà H1 được thanh toán mỗi tháng 1.500.000 đồng đến khi dứt nợ.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Bị đơn là bà H1 cho rằng tiền thực tế vợ chồng bà nhận không đúng như ông H đã trình bày, số tiền ghi trên biên nhận đã có tính lãi theo hình thức góp hụi. Tuy nhiên, bà H1 không có chứng cứ gì để chứng minh cho trình bày của mình. Mặt khác, bà H1 hoàn toàn thừa nhận bà H1, ông H2 có ký các biên nhận nhận nợ như phía nguyên đơn cung cấp. Tại các biên nhận nợ thể hiện đúng số tiền mà ông H đã trình bày và toàn bộ đều là tiền vay, không tính lãi (mượn). Ông H2 cũng không có ý kiến phản đối hay cung cấp tài liệu chứng cứ, chứng minh gì khác. Từ đó, có cơ sở xác định yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đặt ra là có căn cứ chấp nhận.

Đối với việc bà H1 đặt ra, yêu cầu được thanh toán cho ông H số tiền 90.000.000 đồng, hoặc thanh toán 115.000.000 đồng thì cho bà H1 được thanh toán mỗi tháng 1.500.000 đồng đến khi dứt nợ. Yêu cầu này của bà H1 không được sự thống nhất của ông H nên Hội đồng xét xử không xem xét, ghi nhận về phương thức thanh toán.

[3] Về án phí: Bị đơn có nghĩa vụ thực hiện việc thanh toán cho ông Nguyễn Văn H nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Ông Nguyễn Văn H không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự.
- Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;
- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H. Buộc bà Nguyễn Kim H1 (Nguyễn Thị M), ông Võ Quang H2 (Võ Văn H3) có nghĩa vụ thanh toán cho ông Nguyễn Văn H số tiền 115.000.000 (Một trăm mười lăm triệu) đồng.

Đối với khoản tiền nêu trên, kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không tự nguyện thi hành xong khoản tiền phải thanh toán thì còn phải chịu thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

2. Về án phí: Ông Võ Quang H2, bà Nguyễn Kim H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5.750.000 (Năm triệu bảy trăm năm mươi ngàn) đồng, chưa nộp. Ông

Nguyễn Văn H không phải chịu án phí, ông H có nộp tạm ứng án phí sơ thẩm số tiền 2.875.000 (Hai triệu tám trăm bảy mươi lăm ngàn) đồng tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004395 ngày 15 tháng 01 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau được trả lại.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, có mặt tính kể từ ngày tuyên án, vắng mặt tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- CC.THADS huyện Trần Văn Thời;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Bùi Thị Huệ